

Số: ~~4673~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi
thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ – CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ – CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ – CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung Xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 153/TTr-SNN ngày 13/9/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Văn bản số 722/BC-KH&ĐT ngày 11 tháng 10 năm 2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển:

- Quy hoạch thủy lợi thành phố Hà Nội phải đảm bảo đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, bền vững; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Thành phố đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Định hướng chiến lược phát triển Thủy lợi Việt Nam; Quy hoạch Phát triển Nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trên cơ sở các quan điểm sau:

- Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ đa mục tiêu: với nhiệm vụ chính là cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước, phòng chống lũ, đồng thời kết hợp phục vụ giao thông, du lịch, cảnh quan đô thị.

- Phát triển thủy lợi hiện đại trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành.

- Phát triển thủy lợi đảm bảo tính đồng bộ, kế thừa, ổn định, đáp ứng quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển thủy lợi gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Quy hoạch thủy lợi thành phố Hà Nội trong giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đảm bảo khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố;

- Làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi hàng năm, 5 năm và dài hạn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Về cấp nước: đảm bảo cấp nước cơ bản cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố; cấp nước tưới chủ động cho 112.715ha bằng 90% diện tích yêu cầu tưới, trong đó diện tích lúa là 92.120ha, diện tích rau màu, hoa cây cảnh là 8.169ha, cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản 10.321ha, cấp nước cho 2.105 ha cây ăn quả và chè; góp phần tạo nguồn nước cấp cho dân sinh và cải tạo môi trường.

+ Về tiêu thoát nước: đảm bảo tiêu thoát nước cho 212.889 ha bằng 100% diện tích khu vực sản xuất nông nghiệp và dân cư nông thôn với lượng mưa từ 170 - 210 mm trong 1 ngày; 250 - 300 mm trong 3 ngày và lượng mưa từ 290 - 360 mm trong 5 ngày; cùng với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo tiêu thoát nước cho các đô thị.

- Định hướng đến năm 2030:

+ Về cấp nước: Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo cấp nước theo yêu cầu phát triển nông nghiệp với loại hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị sinh thái; phát triển hệ thống tưới hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện năng;

+ Về thoát nước: Phát triển hệ thống thủy lợi khớp nối với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo nước đảm bảo tiêu thoát nước cho 332.889 ha diện tích của Thành phố.

3. Nội dung và giải pháp quy hoạch:

3.1. Phân vùng thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi thành phố Hà Nội được phân thành 3 vùng thủy lợi, phù hợp với nguyên tắc quản lý nguồn nước theo lưu vực sông và các vùng được quy định trong Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đã được Chính phủ phê duyệt, bao gồm:

- Vùng Hữu sông Đáy: Bao gồm thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Phúc Thọ, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức.

- Vùng Tả sông Đáy: Bao gồm quận Hà Đông và các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Từ Liêm, Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín và Phú Xuyên.

- Vùng Bắc Hà Nội: Bao gồm quận Long Biên và các huyện: Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm.

3.2. Quy hoạch cấp nước:

3.2.1. Vùng Hữu sông Đáy:

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 54.198 ha, trong đó: lúa 38.490 ha; rau, màu, hoa là 4.743 ha; thủy sản là 3.514 ha và cây lâu năm, chè là 7.450 ha. Giải pháp cấp nước tưới như sau:

- Tiếp tục thực hiện dự án Tiếp nước, cải tạo sông Tích từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì; cải tạo, nâng cấp đầu nối tuyến kênh trạm bơm tiêu Sấn - kênh trạm bơm tiêu Thụy Đức để chuyển nước từ sông Tích sang bổ sung vào sông Đáy với lưu lượng 20m³/s;

- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xuân Phú (huyện Phúc Thọ) để lấy nước sông Hồng tưới cho 1.300 ha vùng bãi Phúc Thọ; xây dựng trạm bơm Phù Sa để lấy nước sông Hồng tưới cho 5.198ha;

- Tiếp tục thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Trung Hà tưới cho 5.300ha thay thế nhiệm vụ tưới của hồ Suối Hai để chuyển hồ sang mục đích du lịch; Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Đức Môn, Áng Thượng, Tân Độ (huyện Mỹ Đức) thay thế nhiệm vụ tưới của hồ Quan Sơn – Tuy Lai để chuyển hồ sang mục đích du lịch;

- Xây mới một số trạm bơm nhỏ ở các vùng chưa có công trình hoặc có công trình nhưng còn thiếu năng lực để đảm bảo sản xuất gồm: Đông Tiến, Ngòi Lặt (huyện Ba Vì); Cẩm Yên 2 (Thạch Thất);

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, chè các khu vực thuộc thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức;

- Cải tạo, nâng cấp các hệ thống cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở các huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai và Mỹ Đức.

Sau quy hoạch các công trình tưới trong vùng Hữu Đáy có thể tưới được

cho 44.679ha, trong đó: 38.490ha lúa, rau màu, hoa cây cảnh là 1.495ha; 3.514ha đất nuôi trồng thủy sản và 1.180ha đất cây quả và chè. Còn lại 9.519ha chủ yếu là các cây ăn quả, cây lâu năm nằm ở đồi gò và một số diện tích rau màu nằm rải rác ở bãi sông không bố trí được công trình tưới tập trung.

3.2.2 Vùng Tả sông Đáy

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 45.190 ha, trong đó: lúa là 33.720 ha; màu, rau, hoa là 3.902 ha; thủy sản là 5.423 ha và cây lâu năm, cây ăn quả là 2.144 ha, giải pháp cấp nước:

- Xây dựng trạm bơm tiêu kết hợp tưới Liên Mạc công suất 70 m³/s và cải tạo, nạo vét trục chính sông Nhuệ;

- Cải tạo các trạm bơm lấy nước dọc sông Hồng gồm: Đan Hoài, huyện Đan Phượng công suất 8,6m³/s; Hồng Vân, huyện Thường Tín công suất 11,0 m³/s;

- Xây mới trạm bơm Thụy Phú II công suất 9.0 m³/s lấy nước sông Hồng để tưới cho vùng miền Đông và một phần miền Trung, Tây huyện Phú Xuyên; xây dựng trạm bơm Xóm Cát, huyện Ứng Hòa công suất 5,0 m³/s lấy nước sông Đáy tưới cho khu vực cuối kênh La Khê thuộc huyện Ứng Hoà;

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh rau, hoa, cây ăn quả thuộc các huyện Từ Liêm; Đan Phượng, Hoài Đức, Thường Tín, Phú Xuyên, Thanh Oai;

- Cải tạo, nâng cấp các kênh tưới của các trạm bơm Hồng Vân, Cao Xuân Dương, Thái Bình, Xóm Cát, Thụy Phú II cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Ứng Hoà, Phú Xuyên, Thanh Oai, Thường Tín.

Sau quy hoạch các công trình tưới trong vùng tả Đáy có thể tưới được cho 42.863ha, trong đó: 33.720ha lúa, rau màu, hoa cây cảnh là 3.425ha, 5.423ha đất nuôi trồng thủy sản và 295ha đất cây quả. Còn lại 2.326ha chủ yếu là diện tích cây ăn quả, cây lâu năm, rau màu nằm rải rác bãi sông không bố trí được công trình tưới tập trung.

3.2.3 Vùng Bắc Hà Nội:

Diện tích yêu cầu tưới đến năm 2020 là 27.062 ha, trong đó: lúa là 19.910 ha; màu, rau, hoa là 4.559 ha; thủy sản là 1.384 ha và cây lâu năm, cây ăn quả là 1.210 ha, giải pháp cấp nước:

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm lấy nước dọc sông Hồng: trạm bơm Thanh Diềm (huyện Mê Linh) công suất 15 m³/s; trạm bơm Ấp Bắc (huyện Đông Anh) công suất 18 m³/s;

- Xây mới: trạm bơm Thụy Lôi (huyện Đông Anh), công suất 2,5 m³/s; trạm bơm Đồng Lạc (huyện Sóc Sơn) công suất 0,5 m³/s, trạm bơm Đình Thông (huyện Sóc Sơn) công suất 1,0 m³/s để cấp nước cho các khu vực khó khăn về nguồn nước;

- Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nhỏ thuộc huyện Sóc Sơn nhằm đáp ứng yêu cầu tưới và đảm bảo an toàn hồ chứa;

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống tưới cho các vùng chuyên canh sản xuất rau, hoa, cây cảnh tập trung tại Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh và Sóc

Sơn;

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Tăng Long, Cẩm Hà, Tân Hưng nhằm cấp nước cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thuộc huyện Sóc Sơn.

Sau quy hoạch các công trình tưới trong vùng Bắc Hà Nội có thể tưới được cho 25.172ha, trong đó: 19.910ha lúa, rau màu, hoa cây cảnh là 3.249ha, 1.384ha đất nuôi trồng thủy sản và 630ha đất cây quả và chè. Còn lại 1.890ha chủ yếu là các cây ăn quả, lâu năm nằm ở đồi gò và một số diện tích rau màu nằm rải rác ở bãi sông không bố trí được công trình tưới tập trung.

3.3. Quy hoạch tiêu, thoát nước:

3.3.1. Vùng hữu sông Đáy:

- Tiếp tục cải tạo nâng cấp các trạm bơm tiêu đã xuống cấp, thiếu công suất đã được phê duyệt: trạm bơm Hiệp Thuận (huyện Phúc Thọ), trạm bơm Sần (huyện Thạch Thất), trạm bơm Đông Yên (huyện Quốc Oai)...;

- Xây mới các trạm bơm tiêu tại các vùng đang bị ngập úng, năng lực công trình tiêu hiện có còn thiếu: trạm bơm Tây Đằng (huyện Ba Vì) công suất 4,5 m³/s tiêu cho 500 ha; trạm bơm Yên Sơn (huyện Quốc Oai); trạm bơm Cầu Đò (huyện Mỹ Đức); các trạm bơm: Hữu Văn, Sông Đào, Trại Cốc (huyện Chương Mỹ) và trạm bơm Khúc Bằng, huyện Chương Mỹ công suất 40 m³/s để tiêu cho khu đô thị Xuân Mai;

- Cải tạo, nâng cấp kênh xả lũ hồ Đồng Mô; sông Hang; sông Cầu Dầm, sông Linh Khiêu phục vụ tiêu thoát cho đô thị Sơn Tây; cải tạo ngòi Ngang, ngòi Địa, ngòi Vải Cả, ngòi Nà Mương để tiêu thoát cho khu đô thị Hoà Lạc;

- Thực hiện chuyển đổi 1.248 ha các vùng trũng thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước sang nuôi trồng thủy sản, gồm: 412 ha ở các xã Tiên Phong, Cam Thượng, Vật Lại, Cổ Đô, Vạn Thắng, Phú Đông, Phú Cường (huyện Ba Vì); 225 ha ở các xã Tốt Động, Trung Hoàng, Thanh Bình (huyện Chương Mỹ); 531 ha ở các xã Hợp Thanh, An Phú, Tuy Lai, Hùng Tiến (huyện Mỹ Đức); 80 ha ở vùng Hòa Thạch, Đông yên (huyện Quốc Oai) và huyện Phúc Thọ.

Sau quy hoạch vùng hữu sông Đáy có diện tích được tiêu nước chủ động bằng động lực là 80.217 ha.

3.3.2. Vùng tả sông Đáy:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình tiêu nước trong lưu vực hệ thống thủy lợi sông Nhuệ theo Quyết định 937/QĐ-TTg ngày 01/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nâng cấp trạm bơm Đào Nguyên 25 m³/s để cùng trạm bơm Yên Thái tiêu cho trên 3.770 ha diện tích trong lưu vực thuộc huyện Hoài Đức; Nâng cấp trạm bơm Ngoại Độ 1 để cùng với trạm bơm Ngoại Độ 2 tiêu chủ động cho 9.220 ha huyện Ứng Hòa;

- Xây mới trạm bơm Cao Viên (huyện Thanh Oai) công suất 24m³/s tiêu ra sông Đáy để cùng với các trạm bơm: Khê Tang 1, Khê Tang 2 tiêu nước cho 4.608ha diện tích khu đô thị phía Nam Đường 6 của Hà Đông và các xã: Bích Hòa, Bình Minh, Cao Viên của huyện Thanh Oai; xây dựng trạm bơm Phú Minh

tiêu ra sông Nhuệ để cùng các trạm bơm Lễ Nhuế, Gia Phú tiêu cho 3.000 ha khu đô thị Phú Minh (huyện Phú Xuyên); xây dựng trạm bơm tiêu Khai Thái 2 đảm bảo tổng công suất của lưu vực Khai Thái là $34\text{m}^3/\text{s}$;

- Nâng cấp, cải tạo, nạo vét các kênh, trục tiêu trong vùng;

- Thực hiện chuyển đổi 614 ha các vùng trũng thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước sang nuôi trồng thủy sản; gồm: 155 ha vùng Tân Ước, Liên Châu, Hồng Dương, Dân Hòa (huyện Thanh Oai); 162 ha vùng Trung Tú, Đồng Tân (huyện Ứng Hòa); 87 ha thuộc xã Nghiêm Xuyên (huyện Thường Tín); 150 ha ở các xã Chuyên Mỹ, Hồng Thái (huyện Phú Xuyên); 60 ha ở xã Đại Áng huyện Thanh Trì.

Sau quy hoạch vùng tả sông Đáy có diện tích được tiêu nước chủ động bằng động lực là 95.326ha.

3.3.3. Vùng Bắc Hà Nội:

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm: Cẩm Hà, Tăng Long (huyện Sóc Sơn); trạm bơm tiêu Phương Trạch, Mạnh Tân, trạm bơm 19-5 (huyện Đông Anh); Dương Hà, Phù Đổng, Thịnh Liên (huyện Gia Lâm);

- Xây mới các trạm bơm: Xuân Kỳ (huyện Sóc Sơn) công suất $12,2\text{ m}^3/\text{s}$ tiêu cho 1.110 ha; trạm bơm Kim Lũ (huyện Sóc Sơn) công suất $8,7\text{ m}^3/\text{s}$ tiêu cho 793 ha; trạm bơm Văn Khê (huyện Mê Linh) giai đoạn 1 là $24\text{ m}^3/\text{s}$, để cùng các trạm bơm Tam Báo, Thường Lệ 1, 2 tiêu cho 6.950 ha; trạm bơm tiêu Vĩnh Thanh (huyện Đông Anh) công suất $45\text{m}^3/\text{s}$, cùng với trạm bơm Phương Trạch tiêu cho 6.495 ha; trạm bơm Long Tửu (huyện Đông Anh) công suất $85\text{ m}^3/\text{s}$ tiêu ra sông Đuống cho 5.860 ha thay thế cho các trạm bơm hiện nay đang tiêu vào sông Ngũ Huyện Khê; trạm bơm Gia Thượng $10\text{m}^3/\text{s}$ để tiêu ra sông Đuống cho khoảng 600ha phía Bắc đường sắt, trạm bơm Cự Khối công suất $55\text{m}^3/\text{s}$ để tiêu cho 2.900ha ra sông Hồng;

- Nâng cấp, cải tạo, nạo vét các sông, suối, kênh trục tiêu trong vùng;

- Chuyển đổi 340 ha thuộc diện tích vùng trũng, thấp thường xuyên bị úng ngập, khó khăn về tiêu thoát nước chủ yếu thuộc vùng Đông Nam huyện Sóc Sơn sang nuôi trồng thủy sản.

Sau quy hoạch vùng Bắc Hà Nội có diện tích được tiêu nước chủ động bằng động lực là 64.496 ha.

4. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch:

4.1. Quản lý quy hoạch: Tổ chức công bố quy hoạch sau khi được phê duyệt; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; xây dựng các quy hoạch chi tiết cho các hệ thống thủy lợi, các huyện, thị xã.

4.2. Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia xây dựng và quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi.

4.3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực thủy lợi; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý thủy lợi cơ sở; củng cố các tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi, các tổ đội thủy nông, HTX dùng nước; xây dựng mô hình quản lý thủy nông cơ sở hiệu quả và bền vững, có sự

tham gia trực tiếp của người hưởng lợi; tăng cường công tác quản lý và xử lý các vi phạm Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của chính quyền các cấp; cộng đồng xã hội trong việc quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi.

4.4. Áp dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi; công nghệ tưới hiện đại, tiết kiệm nước, ưu tiên áp dụng cho các khu chuyên canh rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, vùng trồng lúa chất lượng cao.

4.5. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng: các khu vực khó khăn về nguồn nước từ trồng lúa sang cây trồng cạn; các vùng úng trũng sang nuôi trồng thủy sản.

4.6. Xây dựng mới các công trình đầu mối, cải tạo nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nhiệm vụ cấp nước, tiêu thoát nước, cải thiện môi trường và phòng chống thiên tai do nước gây ra.

4.7 Các giải pháp ứng phó với mưa úng cực đoan:

Trong trường hợp cực đoan khi mực nước sông ngoài dâng cao, mưa lớn nhiều ngày gây úng ngập trên diện rộng, cần có các giải pháp ứng phó, đặc biệt là đối với vùng Tả Đáy nơi có đô thị trung tâm của thủ đô, cụ thể như sau:

- Đảm bảo tính kết nối liên vùng trong quản lý vận hành hệ thống công trình tiêu.

- Áp dụng các biện pháp hạn chế tiêu nước vào sông Nhuệ, dùng các biện pháp trữ nước, chôn nước để giảm áp lực tiêu cho sông Nhuệ.

- Tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức người dân về biến đổi khí hậu, về giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm để có các kế hoạch sơ tán dân, dự trữ vật tư, lương thực, thuốc men... để phòng ngập lụt hay phân lũ kéo dài.

5. Vốn, nguồn vốn, giải pháp huy động và phân kỳ đầu tư:

5.1. Vốn, nguồn vốn đầu tư:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư Quy hoạch là 64.292 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: ngân sách Trung ương, ngân sách Thành phố và các nguồn huy động hợp pháp khác.

5.2 Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2012-2015 là 24.907 tỷ đồng;

- Giai đoạn từ 2016-2020 là 39.385 tỷ đồng.

5.3. Huy động vốn đầu tư:

Vốn đầu tư cho phát triển thủy lợi chủ yếu đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; tranh thủ huy động từ các nguồn vốn ODA, BT trong khả năng cho phép và các nguồn huy động hợp pháp khác cho các dự án tiêu thoát nước, bảo vệ môi trường và kết hợp chỉnh trang đô thị.

5.4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: có phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch.
- Triển khai xây dựng và trình UBND Thành phố phê duyệt các chương trình, dự án, đề án nhằm cụ thể hoá nội dung quy hoạch.
- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan cụ thể hoá các nhiệm vụ, các giải pháp thực hiện quy hoạch phát triển thủy lợi. Tham mưu cho UBND Thành phố ban hành các chủ trương, chính sách có liên quan. Tổ chức phối hợp lồng ghép các chương trình để triển khai thực hiện tốt quy hoạch phát triển thủy lợi.
- Tham mưu cho UBND Thành phố điều chỉnh Quy hoạch kịp thời khi không phù hợp.

2. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện, thị xã tham gia, tạo điều kiện thực hiện quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các Quận, huyện, thị xã: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở ngành có liên quan tổ chức chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển thủy lợi trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Giao thông vận tải, Tài nguyên và môi trường, Khoa học và công nghệ, Thông tin truyền thông, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Các Bộ: NN&PTNT, XD, KH&ĐT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu VT, KH&ĐT

80

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Việt

PHỤ LỤC:

Danh mục dự án ưu tiên đầu tư Quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số ~~4673~~/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng
1	2	3
	Tổng cộng	
I	Dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm của Thành Phố giai đoạn 2011-2015	
1	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	
2	Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa	Hoài Đức, Hà Đông
3	Cụm công trình đầu mối Liên Mạc	Từ Liêm
4	Trạm bơm tiêu Đông Mỹ	Thanh Trì
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong các năm 2013 - 2015	
1	Trạm bơm Bình Phú	Thạch Thất
2	Trạm bơm Đan Hoài	Đan Phượng
3	Trạm bơm tiêu Sần	Thạch Thất
4	Trạm bơm Thạch Nham	Thanh Oai
5	Trạm bơm Đào Xá	Phù Xuyên
6	Nạo vét kênh tiêu Kiên Thành	Gia Lâm
7	Kiên cố hóa kênh mương xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ	Phúc Thọ
8	Trạm bơm Cấn Hạ, Quốc Oai	Quốc Oai
9	Trạm bơm Đan Nhiễm	Thường Tín
10	Trạm bơm Trung Hà	Ba Vì
11	Trạm bơm tưới, tiêu Phú Yên	Mỹ Đức
12	Trạm bơm tiêu Phụ Chính	Chương Mỹ
13	Trạm bơm tiêu hạ Dục 2	Chương Mỹ
14	Trạm bơm tiêu Đông Yên	xã Đông Yên
15	Hồ chứa nước Đồng Bò	Xã Đông Xuân
16	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát	Ứng Hòa



TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng
1	2	3
17	Cải tạo, sửa chữa hồ Tây Ninh	Ba Vì
18	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hóa hệ thống kênh trạm bơm Hồng Vân	Thường Tín
19	Cải tạo, nâng cấp vai, đập, kiên cố hóa kênh sau hồ, đập 7 xã miền núi, huyện Ba Vì	Ba Vì
20	Trạm bơm Ngoại Độ 2	Ứng Hòa
21	Kiên cố hóa kênh kết hợp giao thông kênh chính TB La Khê	Thanh Oai, Hà Đông
22	Nâng cấp chỉnh trang kênh chính Đan Hoài đoạn qua thị trấn Phùng	Đan Phượng
23	Kiên cố hóa kênh tưới Du Đông - Ngũ Luân kết hợp làm đường giao thông nội đồng xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	Ứng Hòa
24	Nạo vét kênh tiêu Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	Ứng Hòa
III	Dự án mới khác (khởi công từ năm 2013)	
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5	Hoài Đức
2	Nạo vét, cải tạo sông Giàng	Gia Lâm
3	Dự án Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng	Mê Linh
4	Dự án Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục	Chương Mỹ
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, tiêu Hòa Lạc	Mỹ Đức
6	Xây dựng mới TB tiêu Lại Thượng thay thế nhiệm vụ TB tiêu Lại Thượng 1 và 2	Thạch Thất
7	Nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh T1 huyện Đan Phượng	Đan Phượng
8	Xây dựng trạm bơm Thụy Phú II	Phú Xuyên
9	Dự án Nghiên cứu thay thế nhiệm vụ tưới hồ Suối Hai	Ba Vì
10	Thay thế nhiệm vụ tưới hồ Quan Sơn, huyện Mỹ Đức	Mỹ Đức
11	Cải tạo, nâng cấp bờ tả kênh dẫn Cẩm đình - Hiệp Thuận	Phúc Thọ
12	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	Từ Liêm
13	Cải tạo nâng cấp sông Cầu Bậy đoạn qua huyện Gia Lâm	Gia Lâm

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng
1	2	3
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng xã Minh Khai, huyện Từ Liêm	Từ Liêm
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất RAT tập trung xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	Gia Lâm
16	Xây dựng trạm bơm tưới Cửa Đình xã Văn Đức, huyện Gia Lâm	Gia Lâm
17	Cải tạo, nâng cấp Tb Thanh Diềm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diềm kết hợp làm đường giao thông	Mê Linh
18	Trạm bơm Phù Sa	Sơn Tây
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn	Chương Mỹ
20	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thường Lệ I	Mê Linh
21	Xây dựng hệ thống tiêu TB Vĩnh Phúc	Quốc Oai
22	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu TB tiêu Phú Thọ	Thạch Thất, Phúc Thọ
23	Cải tạo, nâng cấp TB dã chiến Xuân Phú	Phúc Thọ
24	Xây dựng kênh T0, huyện Đan Phượng	Đan Phượng
25	Trạm bơm Triều Đông	Thanh Oai
26	Cải tạo, nạo vét sông Tô Lịch, huyện Thường Tín	Thường Tín
27	Cải tạo, chỉnh trang sông Kim Ngưu huyện Thường Tín	Thường Tín
28	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên sơn	Quốc Oai
29	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương	Thanh Oai
30	Nâng cấp, cải tạo TB tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì	Thanh Trì
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu TB Đầm Mới	Chương Mỹ
32	Xây dựng hệ thống tiêu úng đông nam huyện Sóc Sơn	Sóc Sơn
33	Nạo vét ngòi tiêu Phù Trì	Mê Linh
34	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu TB Phương Nhị	Thanh Oai
35	Cải tạo, nâng cấp và xây mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu	Thường Tín
36	Nâng cấp TB Đào Nguyên	Hoài Đức
37	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cự Thần	Thanh Oai

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng
1	2	3
38	Cải tạo, nâng cấp TB tưới Bạch Trữ	Mê Linh
39	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Văn Sơn	Chương Mỹ
40	Trạm bơm Thiên Đông, kiên cố hóa kênh tưới kết hợp giao thông	Thanh Oai
41	Xây dựng 4 cầu qua kênh Yên Cốc	Thanh Oai
42	Nạo vét kênh Đầm Và, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	Mê Linh
43	Kiên cố hóa trạm bơm dã chiến tại xi phông 7B, xã Cán Hữu, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	Quốc Oai
44	Nâng cấp trục chính sông Nhuệ đoạn từ Liên Mạc đến Hà Đông	Từ Liêm, Hà Đông
45	Trạm bơm tiêu Yên Thái	Hoài Đức
46	Nâng cấp trục chính hệ thống thủy lợi sông Nhuệ đoạn từ Hà Đông đến đường vành đai IV	Thanh Trì, Hà Đông, Thường Tín
47	Nâng cấp trục chính sông Nhuệ từ đường vành đai IV đến cuối hệ thống	

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các chương trình, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định chính xác cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.

